

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quế Võ, ngày 20 tháng 12 năm 2023

HỢP ĐỒNG TƯ VẤN

Số: 43 /2023/HĐTVQH

Gói thầu số 03: Tư vấn khảo sát địa hình và lập đồ án quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 phân khu số 22 (Bồng Lai - Cách Bi - Đào Viên - Ngọc Xá - Phù Lương, thị xã Quế Võ)

Thuộc đồ án: Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 phân khu số 22 (Bồng Lai - Cách Bi - Đào Viên - Ngọc Xá - Phù Lương, thị xã Quế Võ)

Giữa

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ THỊ XÃ QUẾ VÕ

VÀ

**LIÊN DANH VIỆN QUY HOẠCH, KIẾN TRÚC BẮC NINH
VÀ TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC KỸ THUẬT**

Năm 2023

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT.....	4
PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH	5
PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG	6
PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG	6
Điều 1. Diễn giải	6
Điều 2. Loại hợp đồng.....	7
Điều 3. Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên.....	7
Điều 4. Trao đổi thông tin	8
Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng.....	8
Điều 6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu có) và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng (đối với trường hợp các bên thỏa thuận phải có bảo lãnh tiền tạm ứng)	8
Điều 7. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn	8
Điều 8. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng.....	9
Điều 9. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng	9
Điều 10. Giá hợp đồng	9
Điều 11. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng	10
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn.....	10
Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư	12
Điều 14. Nhà thầu phụ (nếu có)	13
Điều 15. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn	13
Điều 16. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu.....	14
Điều 17. Bảo hiểm.....	14
Điều 18. Rủi ro và bất khả kháng.....	14
Điều 19. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng.....	15
Điều 20. Chấm dứt hợp đồng	16
Điều 21. Quyết toán và thanh lý hợp đồng	17
Điều 22. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn.....	18
Điều 23. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng	18
Điều 24. Tạm ứng và thanh toán	18
Điều 25. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp	19
Điều 26. Thương, phạt, bồi thường thiệt hại	19
Điều 27. Điều khoản chung.....	22

PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG.....	22
Điều 1. Loại hợp đồng.....	22
Điều 2. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng.....	22
Điều 3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu có) và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng (đối với trường hợp các bên thỏa thuận phải có bảo lãnh tiền tạm ứng)	22
Điều 4. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng.....	22
Điều 5. Giá hợp đồng	25
Điều 6. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng	25
Điều 7. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn	26
Điều 8. Chấm dứt hợp đồng	26
Điều 9. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn.....	27
Điều 10. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng	27
Điều 11. Tạm ứng và thanh toán	28
Điều 12. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp	23
Điều 13. Thương, phạt, bồi thường thiệt hại.....	28
Điều 14. Điều khoản chung.....	29

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ĐKC	Điều kiện chung
ĐKCT	Điều kiện cụ thể
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
Luật Đo đạc và Bản đồ số 27/2018/QH14	Luật Đo đạc và Bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14/6/2018 của Quốc hội
Luật Xây dựng số 50/2014/QH13	Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội.
Luật số 62/2020/QH14	Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.
Nghị định số 37/2015/NĐ-CP	Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng
Nghị định số 27/2019/NĐ-CP	Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 về Quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và Bản đồ
Nghị định số 15/2021/NĐ-CP	Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.
Nghị định số 50/2021/NĐ-CP	Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng
Nghị định số 35/2023/NĐ-CP	Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH

Hôm nay, ngày 20 tháng 12 năm 2023 tại Phòng Quản lý đô thị thị xã Quế Võ, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ (BÊN A):

- Tên giao dịch: **PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ THỊ XÃ QUẾ VÕ**
- Đại diện là: Ông **Nguyễn Văn Cường** Chức vụ: Trưởng phòng
- Địa chỉ: Phường Phố Mới, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.
- Tài khoản: 9527.3.1022377
- Tại: Kho bạc Nhà nước thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
- Mã số thuế: 2300363054

2. ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU TƯ VẤN (BÊN B): LIÊN DANH VIỆN QUY HOẠCH, KIẾN TRÚC BẮC NINH VÀ TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC KỸ THUẬT

2.1. Thành viên đứng đầu liên danh: VIỆN QUY HOẠCH, KIẾN TRÚC BẮC NINH.

- Địa chỉ: Số 115, đường Ngô Gia Tự, phường Vũ Ninh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.
- Đại diện là: Ông: **Nguyễn Hải Nam** Chức vụ: Viện trưởng.
- Tài Khoản: 60100013991268
- Tại Ngân TMCP Đông Nam Á - chi nhánh Bắc Ninh.
- Mã số thuế: 2300200476.
- Điện thoại: 0222 3812 810.

2.2. Thành viên liên danh: TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC KỸ THUẬT

- Địa chỉ: Tầng 1, nhà A, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, số 18, phố Viên, phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội.
- Đại diện là Ông: **Nguyễn Trường Xuân** Chức vụ: Giám đốc.
- Điện thoại: 0983355935.
- Mã số thuế: 0100764383.
- Số tài khoản: 1462201005013.
- Tại: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, chi nhánh Tây Đô.

Hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng tư vấn Gói thầu số 03: Tư vấn khảo sát địa hình và lập đồ án quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 phân khu số 22 (Bồng Lai – Cách Bi – Đào Viên – Ngọc Xá – Phù Lương, thị xã Quế Võ) thuộc đồ án: Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 phân khu số 22 (Bồng Lai – Cách Bi – Đào Viên – Ngọc Xá – Phù Lương, thị xã Quế Võ) với các nội dung sau:

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 về bổ sung, sửa đổi một số điều của 37 Luật liên quan đến Quy hoạch;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Luật Đo đạc và Bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14/6/2018;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 về Quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và Bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/05/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị;

Căn cứ Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15/11/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng về việc quy định hồ sơ Nhiệm vụ và Đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 09/10/2023 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện một số gói thầu tư vấn thuộc đồ án quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 phân khu số 22 (Bồng Lai – Cách Bi – Đào Viên – Ngọc Xá – Phù Lương, thị xã Quế Võ);

Căn cứ Quyết định số 2785/QĐ-UBND ngày 06/11/2023 của UBND thị xã Quế Võ về việc phê duyệt Nhiệm vụ và Dự toán khảo sát địa hình Đồ án Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 phân khu số 22 (Bồng Lai – Cách Bi – Đào Viên – Ngọc Xá – Phù Lương, thị xã Quế Võ);

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng ngày 18/12/2023 giữa phòng Quản lý Đô thị thị xã Quế Võ và Liên danh Viện Quy hoạch, Kiến trúc Bắc Ninh và trung tâm Hỗ trợ phát triển khoa học kỹ thuật;

Căn cứ Quyết định số 856/QĐ-QLĐT ngày 19/12/2023 của Trưởng phòng Quản lý Đô thị thị xã Quế Võ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 03: Tư vấn khảo sát địa hình và lập đồ án quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 phân khu số 22 (Bồng Lai – Cách Bi – Đào Viên – Ngọc Xá – Phù Lương, thị xã Quế Võ);

Căn cứ Thư chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng ngày 19/12/2023 của phòng Quản lý Đô thị thị xã Quế Võ về việc thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng gói thầu số 03: Tư vấn khảo sát địa hình và lập đồ án quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 phân khu số 22 (Bồng Lai – Cách Bi – Đào Viên – Ngọc Xá – Phù Lương, thị xã Quế Võ).

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Diễn giải

Các từ và cụm từ trong hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1. Chủ đầu tư là: UBND thị xã Quế Võ.
2. Cơ quan được ủy quyền tổ chức thực hiện: Phòng Quản lý đô thị thị xã Quế Võ là đơn vị được thực hiện các nội dung theo văn bản số 933/UBND-XDCB ngày 14/06/2023 của UBND thị xã Quế Võ.
3. Nhà thầu tư vấn là: Liên danh Viện Quy hoạch, Kiến trúc Bắc Ninh và Trung tâm Hỗ trợ phát triển khoa học kỹ thuật (Viết tắt là Liên danh VQK Bắc Ninh – TTHT phát triển khoa học kỹ thuật);
4. Đồ án là: Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 phân khu số 22 (Bồng Lai – Cách Bi – Đào Viên – Ngọc Xá – Phù Lương, thị xã Quế Võ).
5. Gói thầu là: Tư vấn khảo sát địa hình và lập đồ án quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 phân khu số 22 (Bồng Lai – Cách Bi – Đào Viên – Ngọc Xá – Phù Lương, thị xã Quế Võ).
6. Đại diện chủ đầu tư là ông **Nguyễn Văn Cường**, là người được nêu ra trong hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho Chủ đầu tư điều hành công việc.
7. Đại diện nhà thầu là ông **Nguyễn Hải Nam** và ông **Nguyễn Trường**

Xuân, là người được nêu ra trong hợp đồng hoặc được Nhà thầu tư vấn chỉ định và thay mặt Nhà thầu tư vấn điều hành công việc.

8. Nhà thầu phụ là tổ chức hay cá nhân ký hợp đồng với Nhà thầu tư vấn để trực tiếp thực hiện công việc.

9. Hợp đồng là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo.

10. HSMT của Chủ đầu tư là toàn bộ tài liệu theo quy định tại [HSMT của Chủ đầu tư].

11. HSDT của Nhà thầu tư vấn là toàn bộ tài liệu theo quy định tại HSDT của Nhà thầu tư vấn.

12. Bên là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu tư vấn tùy theo hoàn cảnh cụ thể.

13. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.

14. Ngày làm việc được hiểu là các ngày theo dương lịch, trừ ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.

15. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

Điều 2. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói [quy định tại ĐKCT]

Điều 3. Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên

1. Hồ sơ hợp đồng bao gồm hợp đồng tư vấn xây dựng và các tài liệu tại khoản 2 dưới đây.

2. Các tài liệu kèm theo hợp đồng là bộ phận không tách rời của hợp đồng tư vấn xây dựng. Các tài liệu kèm theo hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:

- a) Văn bản thông báo trúng thầu;
- b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng;
- c) Điều kiện chung của hợp đồng;
- d) HSMT của Chủ đầu tư;
- đ) HSDT của Nhà thầu tư vấn;
- e) Biên bản đàm phán hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng;
- g) Các phụ lục của hợp đồng;
- h) Các tài liệu khác có liên quan.

3. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng xây dựng áp dụng theo thứ tự quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 4. Trao đổi thông tin

1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong hợp đồng.

2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.
2. Ngôn ngữ của hợp đồng: Tiếng Việt.

Điều 6. Bảo đảm thực hiện và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng:

- 6.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng: Không áp dụng;
- 6.2. Bảo lãnh tiền tạm ứng:

Trước khi Chủ đầu tư tạm ứng hợp đồng cho Nhà thầu, Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh tạm ứng hợp đồng tương đương giá trị tiền tạm ứng.

Bảo lãnh tiền tạm ứng phải được phát hành bởi một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và có hiệu lực cho đến khi hoàn trả hết khoản tiền tạm ứng, giá trị của bảo lãnh tiền tạm ứng sẽ được giảm dần theo số tiền tạm ứng mà Nhà thầu hoàn trả. Không tính lãi đối với tiền tạm ứng.

Liên danh thống nhất ủy quyền cho Viện Quy hoạch, Kiến trúc Bắc Ninh thực hiện bảo lãnh cho cả liên danh.

Tiền tạm ứng được thu hồi dần qua các lần thanh toán, mức thu hồi của từng lần tối thiểu mà 30% khối lượng hoàn thành đề nghị thanh toán và đảm bảo thu hồi hết khi giá trị thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị hợp đồng.

Mức tạm ứng tối đa là 30% giá trị hợp đồng và không vượt dự toán năm.

Điều 7. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng

1. Nội dung và khối lượng công việc

a) Nội dung công việc:

- Khảo sát, đo vẽ chi tiết thực địa để lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1/2.000: Thu thập các số liệu hiện trạng về: Địa giới hành chính các cấp, đường giao thông, hệ thống công trình thủy lợi, đường ống, đường cống, đường điện, hồ, ao, kênh, mương, lớp phủ thực vật, các công trình ngầm, nhà cửa, các công trình có giá trị về lịch sử, văn hóa và khu dân cư hiện hữu, hành lang an toàn thủy lợi, đường điện; Lưới tọa độ, điểm tọa độ, cao độ nền và các điểm đặc trưng địa hình,... theo quy chuẩn, quy trình, quy phạm và các quy định hiện hành của nhà nước. Cung cấp đầy đủ tài liệu cần thiết về hiện trạng khu vực làm cơ sở cho công tác lập quy hoạch phân khu xây dựng, tỷ lệ 1/2.000.

- Lập đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000: Cụ thể hóa đồ án điều chỉnh QHC đô thị Bắc Ninh đến năm 2045 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 728/QĐ-TTg ngày 20/6/2023. Đề ra các giải pháp quy hoạch và tổ chức không gian hợp lý, tạo không gian đô thị hiện đại, tiện nghi, có bản sắc, gắn kết với các khu vực lân cận. Rà soát, khớp nối các đồ án quy hoạch, các dự án đầu tư có liên quan. Xác định cụ thể phạm vi, ranh giới, diện tích, quy mô đất đai, dân số và các chỉ tiêu sử dụng đất đô thị. Xác định khung kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đảm bảo phát triển bền vững trên cơ sở quy hoạch chung.

- Sửa đổi bổ sung hoàn thiện theo yêu cầu của cơ quan thẩm định (nếu có).

b) Khối lượng công việc của từng thành viên liên danh đảm nhận:

- Thu thập, khai thác hồ sơ, tài liệu: Ngoài các hồ sơ, tài liệu mà Chủ đầu tư cung cấp, Nhà thầu có trách nhiệm điều tra, khảo sát làm việc với các cơ quan, tổ chức

liên quan để thu thập và khai thác đầy đủ các sản phẩm đo đạc và bản đồ, hồ sơ tài liệu về quy hoạch và dự án sẵn có trong phạm vi lập quy hoạch để phục vụ công tác khảo sát địa hình và lập quy hoạch. Trường hợp, do thiếu sót trong quá trình khai thác hồ sơ, tài liệu dẫn đến Nhà thầu phải thực hiện các công việc đã có trong hồ sơ, tài liệu sẵn có thì Nhà thầu phải tự chịu chi phí cho những công việc này mà không nhận được bất kỳ một khoản thanh toán nào khác từ Chủ đầu tư;

- Thực hiện khảo sát địa hình và thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1/2.000 theo Nhiệm vụ và dự toán khảo sát địa hình đã được UBND thị xã Quế Võ phê duyệt tại Quyết định số 2785/QĐ-UBND ngày 06/11/2023; lập đồ án quy hoạch theo Nhiệm vụ quy hoạch đã được Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh phê duyệt tại Quyết định số 375/QĐ-UBND ngày 18/8/2023.

- Khối lượng công tác khảo sát địa hình tạm xác định theo bảng sau. Trong quá trình triển khai, các bên cùng rà soát và nghiệm thu theo thực tế.

STT	Danh mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
I	Viện Quy hoạch, Kiến trúc Bắc Ninh		
1	Lập đồ án quy hoạch phân khu	Đồ án	1
2	Phối hợp tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư		
II	Trung tâm Hỗ trợ phát triển khoa học kỹ thuật		
1	Công tác đo lưới khống chế mặt bằng. Đường chuyền cấp II, bộ thiết bị GPS (3 máy). địa hình cấp II	điểm	192
2	Công tác đo lưới khống chế mặt bằng. Đường chuyền cấp II, bộ thiết bị GPS (3 máy). địa hình cấp III	điểm	49
3	Công tác đo khống chế cao, thủy chuẩn kỹ thuật, cấp địa hình cấp II	km	73,92
4	Công tác đo khống chế cao, thủy chuẩn kỹ thuật, cấp địa hình III	km	18,86
5	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng thiết bị đo GPS và máy thủy bình điện tử; bản đồ tỷ lệ 1/2.000, đường đồng mức 1m, cấp địa hình II	100ha	23,94
6	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử; bản đồ tỷ lệ 1/2.000, đường đồng mức 1m, cấp địa hình III	100 ha	4,1

2. Sản phẩm của hợp đồng

Nhà thầu tư vấn cung cấp sản phẩm của hợp đồng tư vấn Khảo sát địa hình và lập đồ án quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 phân khu số 22 (Bồng Lai – Cách Bi – Đào Viên – Ngọc Xá – Phù Lương, thị xã Quế Võ) bao gồm:

a) Hồ sơ khảo sát địa hình tỷ lệ 1/2.000 theo quy định;

- b) Đồ án quy hoạch bao gồm thuyết minh và bản đồ quy hoạch theo quy định;
- c) Các phụ lục tính toán kèm theo thuyết minh (nếu có) và dự thảo Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch.

Thể hiện đầy đủ các nội dung theo quy định của Luật Đo đạc và Bản đồ, Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch đô thị và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan.

Điều 8. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Chất lượng sản phẩm tư vấn xây dựng phải phù hợp với nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Những sai sót trong sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng phải được Nhà thầu tư vấn hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng.

2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của hợp đồng [quy định tại ĐKCT].

Điều 9. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng

- 1. Hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên.
- 2. Toàn bộ hồ sơ tư vấn được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- 3. Quy định của pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng.

Điều 10. Giá hợp đồng

1. Giá hợp đồng

a) Giá hợp đồng được xác định với số tiền (bao gồm 10% thuế VAT) là: **6.601.495.000 đồng** (Bằng chữ: Sáu tỷ, sáu trăm lẻ một triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng chẵn)./.

Trong đó:

Giá trị phần việc của Viện Quy hoạch Kiến trúc Bắc Ninh là: 4.464.376.000 (Bốn tỷ, bốn trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng chẵn).

Giá trị phần việc của Trung tâm Hỗ trợ phát triển khoa học kỹ thuật là: 2.137.119.000 (Hai tỷ, một trăm bảy mươi ba triệu một trăm mười chín nghìn đồng chẵn).

b) Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng thực hiện theo Điều 11 - Phần 3 điều kiện chung [Điều chỉnh hợp đồng tư vấn].

2. Nội dung của giá hợp đồng

- Toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp: giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu;

- Chi phí chuyên gia (tiền lương và các chi phí liên quan), chi phí vật tư vật liệu, máy móc, chi phí quản lý, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng.

- Chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh sản phẩm tư vấn xây dựng sau các cuộc họp, báo cáo, kết quả thẩm định, phê duyệt.

- Chi phí đi thực địa.
- Chi phí đi lại khi tham gia vào quá trình nghiệm thu theo yêu cầu của Chủ đầu tư.
- Chi phí khác có liên quan.
- c) Giá hợp đồng tư vấn xây dựng không bao gồm:
 - Chi phí cho các cuộc họp của Chủ đầu tư.
 - Chi phí thẩm tra, phê duyệt sản phẩm của hợp đồng tư vấn.
 - Chi phí chưa tính trong giá hợp đồng mà các bên đã thỏa thuận, đảm bảo phù hợp quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Điều 11. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng

- Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục I của theo Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.

2. Điều chỉnh khối lượng công việc của hợp đồng tư vấn

Việc điều chỉnh khối lượng công việc trong hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.

Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng của hợp đồng tư vấn [quy định tại **ĐKCT**].

3. Điều chỉnh tiến độ của hợp đồng tư vấn

- Việc điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

- Khi điều chỉnh tiến độ hợp đồng xây dựng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP, Chủ đầu tư và Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm đánh giá tác động của các sự kiện bất khả kháng đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng để xác định, quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

- Trường hợp tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP cần thực hiện các công việc sau:

- + Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn căn cứ yêu cầu tạm dừng của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đánh giá tác động đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng.

- + Trường hợp phát sinh chi phí do kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng thì Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn căn cứ nội dung hợp đồng, hướng dẫn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về sự kiện dẫn đến tạm dừng thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận về các khoản mục chi phí phát sinh hợp lý.

Các trường hợp được điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn [quy định tại **ĐKCT**].

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn

1. Quyền của Nhà thầu tư vấn:

- a) Yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ tư vấn và phương tiện làm việc theo thỏa thuận hợp đồng (nếu có).
- b) Được đề xuất thay đổi điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của Chủ đầu tư hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.
- c) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của Chủ đầu tư.
- d) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả).
- đ) Được quyền yêu cầu Chủ đầu tư thanh toán đúng hạn, yêu cầu thanh toán các khoản lãi vay do chậm thanh toán theo quy định.

2. Nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn:

- a) Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng.
- b) Bảo quản và giao lại cho Chủ đầu tư những tài liệu và phương tiện làm việc do Chủ đầu tư cung cấp theo hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có).
- c) Thông báo ngay bằng văn bản cho Chủ đầu tư về những thông tin, tài liệu không đầy đủ, phương tiện làm việc không đảm bảo chất lượng để hoàn thành công việc.
- d) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.
- đ) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của hợp đồng:
Nhà thầu tư vấn phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho Nhà thầu tư vấn trong việc thực hiện công việc tư vấn xây dựng được quy định trong hợp đồng.
- Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của Nhà thầu tư vấn để hoàn thành công việc tư vấn xây dựng theo các điều khoản được quy định trong hợp đồng thì Nhà thầu tư vấn phải chịu trách nhiệm.
- e) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng tư vấn phụ (nếu có), nhân lực của tư vấn và tư vấn phụ sẽ luôn tuân thủ luật pháp.
- g) Nộp cho Chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong hợp đồng. Nhà thầu tư vấn thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn xây dựng có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.
- h) Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn xây dựng trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Chủ đầu tư tổ chức.
- i) Sản phẩm tư vấn xây dựng phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ

điều kiện năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật. Nhà thầu tư vấn phải sắp xếp, bố trí nhân lực của mình hoặc của nhà thầu phụ có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được Chủ đầu tư phê duyệt để thực hiện công việc tư vấn xây dựng.

k) Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Chủ đầu tư cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng.

l) Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định, v.v... với số lượng và thời gian theo đúng tiến độ được thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

m) Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của Chủ đầu tư, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

n) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư

1. Quyền của Chủ đầu tư:

a) Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn xây dựng theo hợp đồng.

b) Từ chối nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng không đạt chất lượng theo hợp đồng.

c) Kiểm tra chất lượng công việc của Nhà thầu tư vấn tư vấn nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của Nhà thầu tư vấn.

d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận hợp đồng.

đ) Yêu cầu Nhà thầu tư vấn thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.

2. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư:

a) Cung cấp cho Nhà thầu tư vấn thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán và các phương tiện cần thiết để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).

b) Bảo đảm quyền tác giả đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả theo hợp đồng.

c) Giải quyết kiến nghị của Nhà thầu tư vấn theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

d) Thanh toán đầy đủ cho Nhà thầu tư vấn theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng.

đ) Hướng dẫn Nhà thầu tư vấn về những nội dung liên quan đến đồ án và HSMT; tạo điều kiện để Nhà thầu tư vấn được tiếp cận với công trình, thực địa.

e) Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với Nhà thầu tư vấn.

g) Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp. Bồi thường thiệt hại cho Nhà thầu tư vấn nếu Chủ đầu tư cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ theo quy định của hợp đồng.

Điều 14. Nhà thầu phụ (nếu có): Không áp dụng

Điều 15. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

1. Nhà thầu phải huy động tất cả chuyên gia để thực hiện các nội dung công việc như đã đề xuất trong E-HSDT trừ trường hợp chủ đầu tư có thỏa thuận khác. Trường hợp cần thiết phải thay đổi nhân sự theo quy định tại Mục 27 E-CDNT thì nhà thầu phải báo cáo và được sự chấp thuận của chủ đầu tư. Nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn so với nhân sự đã đề xuất trước đó và Nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.

2. Chức danh, công việc thực hiện, trình độ và thời gian dự kiến tham gia thực hiện được quy định trong Phụ lục số II [Nhân lực của Nhà thầu]. Trường hợp thay đổi nhân sự, Nhà thầu tư vấn phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho Chủ đầu tư, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu Chủ đầu tư không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Nhà thầu tư vấn thì nhân sự đó coi như được Chủ đầu tư chấp thuận.

3. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu thay thế nhân sự trong trường hợp cá nhân chuyên gia tư vấn mất năng lực hành vi dân sự hoặc không hoàn thành tốt công việc của mình hoặc không đúng với nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT. Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của chủ đầu tư, trong thời gian quy định tại **E-ĐKCT**, nhà thầu phải thực hiện thay thế chuyên gia có năng lực và kinh nghiệm được chủ đầu tư chấp nhận. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do nhà thầu chịu.

4. Nhà thầu tư vấn có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư chấp thuận.

5. Trường hợp thời gian làm việc của nhân sự phải kéo dài hoặc bổ sung nhân sự vì lý do tăng khối lượng công việc đã được thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu tư vấn thì chi phí phát sinh cần thiết này sẽ được thanh toán trên cơ sở Phụ lục số II [Nhân lực của Nhà thầu].

6. Nhà thầu tư vấn tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ,... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Nhà thầu tư vấn không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

Điều 16. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

Nhà thầu tư vấn sẽ giữ bản quyền công việc tư vấn do mình thực hiện. Chủ đầu tư được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong hợp đồng mà không cần phải xin phép Nhà thầu tư vấn.

Nhà thầu tư vấn phải cam kết rằng sản phẩm tư vấn do Nhà thầu tư vấn thực hiện và cung cấp cho Chủ đầu tư không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.

Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại

sản phẩm tư vấn theo hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

Điều 17. Bảo hiểm: Không áp dụng.

Điều 18. Rủi ro và bất khả kháng

1. Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện hợp đồng xây dựng trong tương lai. Trong hợp đồng xây dựng các bên phải quy định trách nhiệm của mỗi bên về quản lý và xử lý rủi ro của mình; trách nhiệm khắc phục hậu quả của mỗi bên trong trường hợp gặp rủi ro.

2. Bất khả kháng là một sự kiện rủi ro xảy ra một cách khách quan không thể lường trước khi ký kết hợp đồng xây dựng và không thể khắc phục được khi nó xảy ra mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, phù hợp với tiêu chí được quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và khoản 1 Điều 156 Luật Dân sự.

3. Thông báo về bất khả kháng:

a) Khi một bên gặp tình trạng bất khả kháng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất, trong thông báo phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc liên quan đến hậu quả của bất khả kháng.

b) Bên thông báo được miễn thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của mình trong thời gian xảy ra bất khả kháng ảnh hưởng đến công việc theo nghĩa vụ hợp đồng.

4. Trách nhiệm của các bên đối với rủi ro:

a) Đối với những rủi ro đã tính trong giá hợp đồng thì khi rủi ro xảy ra Nhà thầu tư vấn phải chịu trách nhiệm bằng kinh phí của mình.

b) Đối với những rủi ro đã được mua bảo hiểm thì chi phí khắc phục hậu quả các rủi ro này do đơn vị bảo hiểm chi trả và không được tính vào giá hợp đồng.

c) Nhà thầu tư vấn phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Chủ đầu tư đối với các hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan do lỗi của mình gây ra.

d) Chủ đầu tư phải bồi thường những tổn hại cho Nhà thầu tư vấn đối với các thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) liên quan do lỗi của mình gây ra.

5. Trách nhiệm của các bên đối với bất khả kháng:

a) Nếu Nhà thầu tư vấn bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo các điều khoản của hợp đồng dẫn đến chậm thực hiện công việc và phát sinh chi phí do bất khả kháng, Nhà thầu tư vấn sẽ có quyền đề nghị xử lý như sau:

- Được kéo dài thời gian do sự chậm trễ theo quy định của hợp đồng (gia hạn thời gian hoàn thành).

- Được thanh toán các chi phí phát sinh theo các điều khoản quy định trong hợp đồng.

b) Chủ đầu tư phải xem xét quyết định các đề nghị của Nhà thầu tư vấn.

c) Việc xử lý hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng.

6. Chấm dứt và thanh toán hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng (nếu có):

a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.

b) Đối với trường hợp chấm dứt này, Chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn:

- Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được hoàn thành theo giá đã được nêu trong hợp đồng.

- Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho công trình đã được chuyển tới cho Nhà thầu tư vấn, hoặc những thứ Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm chấp nhận giao hàng: Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của Chủ đầu tư khi đã được Chủ đầu tư thanh toán và Nhà thầu tư vấn sẽ để cho Chủ đầu tư sử dụng.

Điều 19. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

1. Tạm ngừng công việc bởi Chủ đầu tư

Nếu nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, Chủ đầu tư có thể tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của nhà thầu bằng văn bản thông báo. Trong nội dung văn bản, Chủ đầu tư phải nêu rõ phần lỗi của nhà thầu và yêu cầu nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư do tạm ngừng công việc.

2. Tạm ngừng công việc bởi Nhà thầu tư vấn

a) Nếu Chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết Hạn thanh toán, sau khi thông báo cho Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

b) Sau khi Chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, Nhà thầu tư vấn phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.

c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Nhà thầu tư vấn phải thông báo cho Chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Điều 20. Chấm dứt hợp đồng

1. Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư

Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng sau [quy định tại **ĐKCT**] kể từ ngày gửi văn bản kết thúc hợp đồng đến Nhà thầu tư vấn. Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt hợp đồng khi:

a) Nhà thầu tư vấn không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Nhà thầu tư vấn không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng [quy định tại **ĐKCT**] mà Chủ đầu tư có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư về sai sót đó.

b) Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 23 [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng], hoặc [quy định tại **ĐKCT**] liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

c) Chuyển nhượng hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Chủ đầu tư.

d) Nhà thầu tư vấn bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

e) Nhà thầu tư vấn từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 25 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp].

f) Nhà thầu tư vấn cố ý trình Chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Chủ đầu tư.

g) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 18 [Rủi ro và bất khả kháng].

Sau khi chấm dứt hợp đồng, Chủ đầu tư có thể thuê các Nhà thầu tư vấn khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Chủ đầu tư và các Nhà thầu tư vấn này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

2. Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu tư vấn

Nhà thầu tư vấn có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là [quy định tại **ĐKCT**] trong các trường hợp sau đây:

a) Công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian [quy định tại **ĐKCT**].

b) Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 25 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp] sau khoảng thời gian [quy định tại **ĐKCT**] kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

c) Chủ đầu tư không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 25 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp].

d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Nhà thầu tư vấn không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian [quy định tại **ĐKCT**].

đ) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy

thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.

4. Khi một trong hai bên chấm dứt hợp đồng thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều 10 [Giá hợp đồng] và Điều 24 [Tạm ứng và thanh toán] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác,...).

Điều 21. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

1. Quyết toán hợp đồng

a) Việc quyết toán hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP.

b) Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn theo hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của Chủ đầu tư rằng Nhà thầu tư vấn đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ trình cho Chủ đầu tư 07 bộ tài liệu quyết toán hợp đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn.
- Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có).
- Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn.

c) Nếu Chủ đầu tư không đồng ý hoặc cho rằng Nhà thầu tư vấn chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ cung cấp thêm thông tin khi Chủ đầu tư có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai bên. Nhà thầu tư vấn sẽ chuẩn bị và trình cho Chủ đầu tư quyết toán hợp đồng như hai bên đã thống nhất.

d) Sau khi hợp đồng được quyết toán theo quy định, Chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của hợp đồng cho nhà thầu.

2. Việc thanh lý hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc bị chấm dứt theo Điều 20 [Chấm dứt hợp đồng].

Điều 22. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành [quy định tại **ĐKCT**].

Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành là biên bản nghiệm thu chất lượng

(vận dụng quy định về quản lý chất lượng công trình) có ghi cả khối lượng.

Thành phần ký biên bản nghiệm thu:

- | | |
|--------------------------|-------------------------------------|
| 1. Ông Nguyễn Hải Nam | Chức vụ: Viện trưởng |
| 2. Ông Nguyễn Danh Tuyên | Chức vụ: Trưởng phòng Quy hoạch |
| 3. Ông Nguyễn Văn Trường | Chức vụ: Phó Trưởng phòng Quy hoạch |
| 4. Ông Nguyễn Đình Đức | Chức vụ: Cán bộ chuyên môn |
| 5. Ông Nguyễn Trần Sơn | Chức vụ: Cán bộ chuyên |

Điều 23. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Tiến độ thực hiện hợp đồng: 6 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
2. Tiến độ chi tiết:

Thời gian và phần công việc hoàn thành [quy định tại ĐKCT].

3. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp Nhà thầu tư vấn hoặc Chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung hợp đồng.

4. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của Nhà thầu tư vấn.

Điều 24. Tạm ứng và thanh toán

1. Tạm ứng: Bên giao thầu tạm ứng cho bên nhận thầu một lần số tiền là: 1.980.000.000đ. Trong đó:

+ Khảo sát địa hình (Trung tâm hỗ trợ phát triển khoa học kỹ thuật) số tiền tối đa là: 641.000.000 đồng.

+ Lập đồ án quy hoạch phân khu (Viện Quy hoạch, Kiến trúc Bắc Ninh) số tiền tối đa là: 1.339.000.000 đồng, khi nhận được bảo lãnh tiền tạm ứng của nhà thầu.

Tiền tạm ứng sẽ được thu hồi ngay từ lần thanh toán đầu tiên và các lần thanh toán tiếp theo (tỷ lệ thu hồi theo điểm 6.2 điều 6)

2. Thanh toán: Việc thanh toán được chia làm 04 lần tương ứng với giai đoạn nghiệm thu được quy định tại Điều 9 (ĐKCT) của hợp đồng.

Lần 1: Thanh toán 80% giá trị khối lượng hoàn thành và thu hồi tạm ứng tối thiểu 30% giá trị khối lượng hoàn thành đề nghị thanh toán.

Lần 2: Thanh toán 80% giá trị khối lượng hoàn thành và thu hồi tạm ứng tối thiểu 30% giá trị khối lượng hoàn thành đề nghị thanh toán.

Lần 3: Thanh toán 80% giá trị khối lượng hoàn thành và thu hồi hết số tiền tạm ứng còn lại.

Lần cuối: Thanh toán 100% giá trị khối lượng hoàn thành khi Đồ án được phê duyệt quyết toán.

3. Hồ sơ thanh toán gồm:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong giai đoạn thanh toán (theo mẫu biên bản nghiệm thu chất lượng có ghi khối lượng) có xác nhận của đại diện Bên giao thầu hoặc đại diện nhà tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu;
- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (Hồ sơ thanh toán theo mẫu số 03a/TT, Nghị định 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.
- Bảng tính giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) nằm ngoài phạm vi công việc phải thực hiện hợp đồng đã ký kết có xác nhận của đại diện Bên giao thầu hoặc đại diện nhà thầu tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu (Hồ sơ thanh toán theo mẫu số 03c/TT, Nghị định 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.

4. Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

Điều 25. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng [quy định tại **ĐKCT**]. Nếu những căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thỏa thuận đã ký.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Thời gian để tiến hành hòa giải: [quy định tại **ĐKCT**].

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì khoảng thời gian các bên được quyền gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật [quy định tại **ĐKCT**] kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải. Quyết định của Trọng tài (hoặc Tòa án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

Giải quyết tranh chấp: [quy định tại **ĐKCT**].

3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 26. Thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại

1. Thưởng hợp đồng: Trường hợp Nhà thầu tư vấn hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng sớm hơn so với thời hạn quy định trong hợp đồng này, mang lại hiệu quả cho Chủ đầu tư thì cứ khoảng thời gian [quy định tại **ĐKCT**] Chủ đầu tư sẽ thưởng cho Nhà thầu tư vấn với mức thưởng tối đa [quy định tại **ĐKCT**].

2. Phạt vi phạm hợp đồng

Đối với Nhà thầu tư vấn: Nếu chậm tiến độ thực hiện hợp đồng [quy định tại **ĐKCT**] thì phạt [quy định tại **ĐKCT**] nhưng tổng số tiền phạt không quá [quy định tại **ĐKCT**].

3. Bồi thường thiệt hại

- Bồi thường thiệt hại: [quy định tại **ĐKCT**].

Điều 27. Điều khoản chung

Các bên đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định và điều kiện của hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong hợp đồng; Không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các điều đó.

Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm [quy định tại **ĐKCT**].

(Trường hợp thời gian hiệu lực của hợp đồng khác do các bên thỏa thuận)

Số lượng trang, số lượng phụ lục, số bản được thành lập, ngôn ngữ hợp đồng, giá trị pháp lý, số bản Chủ đầu tư sẽ giữ, số bản Nhà thầu tư vấn sẽ giữ [quy định tại **ĐKCT**].

PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói

Điều 2. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

Ngôn ngữ của hợp đồng: Ngôn ngữ của hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu có) và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng

1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng: Không áp dụng.

2. Bảo lãnh tạm ứng hợp đồng: Bên nhận thầu phải nộp cho bên giao thầu bảo lãnh tiền tạm ứng số tiền là 1.980.000.000 đồng trước ngày 29/12/2023.

Điều 4. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Chất lượng hợp đồng

- Chất lượng sản phẩm khảo sát địa hình phải phản ánh đầy đủ nhất về hiện trạng, tọa độ, cao độ khu vực dự án, đảm bảo đầy đủ, chính xác các số liệu. Phù hợp với Quy chuẩn, tiêu chuẩn khảo sát được áp dụng, nhiệm vụ khảo sát được

phê duyệt, đảm bảo đủ điều kiện triển khai lập đồ án quy hoạch.

- Chất lượng hồ sơ sản phẩm đồ án quy hoạch tuân thủ quy hoạch cấp trên, nhiệm vụ quy hoạch, các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn và các quy định hiện hành có liên quan.

2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn của hợp đồng

** Đối với hồ sơ khảo sát địa hình*

- Lần 1: 02 bộ hồ sơ để chủ đầu tư tổ chức đối soát, nhà thầu hoàn thiện theo yêu cầu của Chủ đầu tư (nếu có);

- Lần 2: 07 bộ hồ sơ báo cáo kết quả đã hoàn thiện theo ý kiến của chủ đầu tư (nếu có). 01 USB ghi lại toàn bộ nội dung của Bản đồ, Báo cáo, các bảng biểu tính toán, các bản vẽ, v.v... ở file dạng gốc có thể chỉnh sửa được như word, excel, autocad, v.v...

** Đối với hồ sơ đồ án quy hoạch:*

- Theo yêu cầu thực tế của công việc, Nhà thầu chuẩn bị các bộ hồ sơ phục vụ báo cáo các cấp có thẩm quyền, tổ chức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan.

- Sau khi Hồ sơ được đóng dấu thẩm định của cơ quan chuyên môn nhà thầu tư vấn có trách nhiệm Scan toàn bộ hồ sơ (bản đóng dấu) kèm theo toàn bộ bản mềm và các bộ bản cứng fit A0 phục vụ công bố quy hoạch, 09 bộ bản cứng ghép A0 đúng tỷ lệ bàn giao cho chủ đầu tư.

- 01 USB ghi lại toàn bộ nội dung của đồ án quy hoạch.

- Thành phần hồ sơ cụ thể như sau:

STT	Thành phần hồ sơ bàn giao	Tỷ lệ	Ghi chú
I	Phần khảo sát địa hình		
1	Phương án kỹ thuật khảo sát địa hình	A4	
2	Báo cáo khảo sát địa hình (gồm: Thuyết minh khảo sát địa hình; Phiếu mua mốc tọa độ, cao độ; Sơ họa mốc lưới đường chuyên cấp 2)	A4	
3	Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/2000, A0 – đen trắng, in theo đúng tỷ lệ	1/2.000	Nội dung biên tập tuân thủ theo Thông tư số 03/2023/TT-BTNMT
4	Hồ sơ nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	A4	Theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP và Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT
5	01 USB chứa toàn bộ nội dung hồ sơ khảo sát		
II	Phần bản vẽ Quy hoạch		Theo Thông tư số 04/2022/TT-

STT	Thành phần hồ sơ bàn giao	Tỷ lệ	Ghi chú
			BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng
1	Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất	Tỷ lệ phù hợp	Bản vẽ hiện trên sơ đồ hướng phát triển không gian và bản đồ quy hoạch sử dụng đất đô thị theo các giai đoạn quy hoạch
2	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất và kiến trúc cảnh quan	1/2.000	Bản vẽ thể hiện trên nền bản đồ địa hình theo hệ toạ độ VN2000
3	Bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường	1/2.000	
4	Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất	1/2.000	
5	Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan	1/2.000	
6	Bản đồ quy hoạch giao thông, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng	1/2.000	Bản vẽ thể hiện trên nền bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất kết hợp bản đồ địa hình theo hệ toạ độ VN2000
7	Bản đồ quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật và thoát nước mưa	1/2.000	
8	Bản đồ quy hoạch cấp nước	1/2.000	
9	Bản đồ quy hoạch cấp năng lượng và chiếu sáng đô thị	1/2.000	
10	Bản đồ quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động	1/2.000	
11	Bản đồ quy hoạch thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang	1/2.000	
12	Bản đồ tổng hợp đường dây đường ống	1/2.000	
13	Các bản vẽ thiết kế đô thị theo quy định	Tỷ lệ phù hợp	Theo Thông tư số 06/2013/TT-BXD
14	Bản vẽ xác định các khu vực xây dựng công trình ngầm: các công trình công cộng ngầm, các công trình cao tầng có xây dựng tầng hầm (nếu có)	Tỷ lệ phù hợp	Bản vẽ thể hiện theo tỷ lệ thích hợp trên nền bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật kết hợp bản đồ địa hình theo hệ toạ độ VN2000
15	Bản đồ đánh giá môi trường chiến	Tỷ lệ	

STT	Thành phần hồ sơ bàn giao	Tỷ lệ	Ghi chú
	lược	phù hợp	
III	Phần thuyết minh đồ án quy hoạch		Theo Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng (Kèm theo các bản vẽ A3 thu nhỏ)
1	Thuyết minh tổng hợp	A4	
2	Thuyết minh tóm tắt (nếu có)	A4	
3	Dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch phân khu đô thị	A4	Nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật Quy hoạch đô thị 2009 và phải có các bản vẽ khổ A3 kèm theo
4	Dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch	A4	
5	Phụ lục kèm theo thuyết minh	A4	các giải trình, phụ lục đính kèm, giải thích, luận cứ bổ sung cho thuyết minh; bản vẽ minh họa; các số liệu tính toán). Phụ lục đính kèm văn bản pháp lý liên quan
6	01 USB chứa toàn bộ nội dung đồ án quy hoạch		

Điều 5. Giá hợp đồng

1. Giá hợp đồng

Giá hợp đồng được xác định với số tiền (bao gồm 10% thuế VAT) là: **6.601.495.000 đồng** (Bằng chữ: Sáu tỷ, sáu trăm lẻ một triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng chẵn)./.

Trong đó:

Giá trị phần việc của Viện Quy hoạch Kiến trúc Bắc Ninh là: 4.464.376.000 đồng (Bốn tỷ, bốn trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng chẵn).

Giá trị phần việc của Trung tâm Hỗ trợ phát triển khoa học kỹ thuật là: 2.137.119.000 đồng (Hai tỷ, một trăm ba mươi bảy triệu một trăm mười chín nghìn đồng chẵn).

Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí thực hiện gói thầu; giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu;

Trong quá trình thanh toán, căn cứ vào thời điểm nghiệm thu, xác nhận khối lượng, các bên sẽ thực hiện việc điều chỉnh thuế theo quy định hiện hành.

Điều 6. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

a. Nguyên tắc điều chỉnh hợp đồng:

- Việc điều chỉnh hợp đồng chỉ được áp dụng trong thời gian thực hiện hợp đồng bao gồm cả thời gian được gia hạn thực hiện hợp đồng theo quy định của pháp luật.

- Chỉ được điều chỉnh hợp đồng cho những khối lượng công việc nằm ngoài nhiệm vụ tư vấn phải thực hiện và các trường hợp sau:

+ Khi Nhà nước thay đổi các chính sách làm ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện hợp đồng.

+ Khi đồ án được điều chỉnh có ảnh hưởng đến hợp đồng.

+ Các trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 18 [Rủi ro và bất khả kháng].

b. Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng:

Là các trường hợp nằm ngoài nhiệm vụ tư vấn phải thực hiện.

c. Các trường hợp được điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng:

- Do ảnh hưởng của động đất, bão, lũ, sóng thần, hỏa hoạn, dịch họa hoặc các sự kiện bất khả kháng.

- Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của bên giao thầu gây ra.

- Điều chỉnh, thay đổi phạm vi, khối lượng công việc tư vấn làm ảnh hưởng đến tiến độ.

Điều 7. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

Nhà thầu tư vấn phải gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của chủ đầu tư

Điều 8. Chấm dứt hợp đồng

1. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu:

a) Nhà thầu không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Nhà thầu không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 03 ngày mà chủ đầu tư có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của chủ đầu tư về sai sót đó.

b) Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 23 [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng], hoặc 15 ngày liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

c) Chuyển nhượng hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của chủ đầu tư.

d) Nhà thầu bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

e) Nhà thầu từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại điều Điều 25 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp]

2. Chấm dứt hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư:

Nhà thầu tư vấn có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là 03 ngày trong các trường hợp sau đây:

a) Sau 15 ngày liên tục công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư.

b) Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 25 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp] sau khoảng thời gian 15 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

c) Chủ đầu tư không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại điều Điều 25 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp]

d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà nhà thầu không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian không dưới 05 ngày

đ) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới.

Điều 9. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

1. Đối với sản phẩm tư vấn khảo sát địa hình

Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành 02 lần.

Lần 01: Sau khi Nhà thầu tư vấn hoàn thành phần khảo sát ở hiện trường.

(Nghiệm thu hoàn thành..... Khối lượng công việc theo hợp đồng).

Lần 02: Sau khi Chủ đầu tư đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu Khảo sát địa hình do nhà thầu cung cấp. Chủ đầu tư căn cứ vào Hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu sản phẩm khảo sát địa hình. Những sai sót trong sản phẩm khảo sát địa hình nhà thầu phải hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong Hợp đồng.

2. Đối với sản phẩm tư vấn lập quy hoạch

Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành 04 lần.

Lần 01: Sau khi Nhà thầu tư vấn hoàn thành công việc tư vấn, bàn giao hồ sơ để phục vụ xin ý kiến tại địa phương và xin ý kiến các Sở, ngành (Nghiệm thu hoàn thành..... khối lượng công việc theo hợp đồng).

Lần 02: Sau khi Nhà thầu tư vấn hoàn thành công việc tư vấn, bàn giao hồ sơ để phục vụ xin ý kiến Sở Xây dựng.

Lần 03: Sau khi Nhà thầu tư vấn hoàn thành chỉnh sửa hồ sơ theo yêu cầu của Sở Xây dựng và có Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh.

Lần cuối: Sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm tư vấn xây dựng do Nhà thầu tư vấn cung cấp, Chủ đầu tư căn cứ vào hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm tư vấn xây dựng Nhà thầu tư vấn phải hoàn chỉnh theo đúng các điều

khoản thỏa thuận trong hợp đồng.

Điều 10. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Tiến độ thực hiện hợp đồng được quy định cụ thể tại Phụ lục số [Tiến độ thực hiện công việc] với tổng thời gian thực hiện là: **6 tháng**, kể từ ngày hợp đồng này có hiệu lực, bao gồm cả ngày lễ, tết và ngày nghỉ (thời gian trên không bao gồm thời gian xin ý kiến, thẩm định, phê duyệt và các trường hợp bất khả kháng).

2. Tiến độ chi tiết: Theo phụ lục số III [tiến độ công việc]

Điều 11. Tạm ứng và thanh toán

1. Tạm ứng: Bên giao thầu thực hiện tạm ứng cho Bên nhận thầu chậm nhất là 29/12/2023.

2. Thanh toán:

- Thanh toán lần cuối cùng sau khi Nhà thầu hoàn thành các công việc theo nghĩa vụ trong hợp đồng và Đồ án được phê duyệt quyết toán.

- Thời gian thanh toán là 7 ngày kể từ khi bên giao thầu nhận đầy đủ hồ sơ thanh hợp lệ của bên nhận thầu, bên giao thầu phải thanh toán cho bên nhận thầu.

3. Phương thức thanh toán:

- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản vào tài khoản của các bên theo tiến độ thanh toán, tương ứng với phần việc các bên liên danh.

- Đồng tiền thanh toán: VNĐ.

Điều 12. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

1. Thời gian để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại là 07 ngày.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

- Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 10 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án nhân dân) theo quy định của pháp luật. Quyết định của Trọng tài là quyết định cuối cùng.

Điều 13. Thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại

1. Thưởng hợp đồng: Không áp dụng.

2. Phạt vi phạm hợp đồng:

a) Nhà thầu bị phạt theo mức: Nếu do lỗi của Nhà thầu làm chậm tiến độ 07 ngày phạt 3%; 05 ngày tiếp theo phạt 3% đến khi tổng số tiền phạt bằng 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm. Số tiền phạt tối đa bên nhận thầu phải chịu là 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu.

b) Trường hợp chủ đầu tư chậm thanh toán cho nhà thầu theo quy định tại Điều 11 thì phải trả lãi cho nhà thầu theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. Thời gian được tính kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến ngày chủ đầu tư thanh toán đầy đủ cho nhà thầu.

3. Bồi thường thiệt hại: Không áp dụng.

Điều 14. Điều khoản chung

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hợp đồng này bao gồm 29 trang và được lập thành 10 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư giữ 06 bản, Nhà thầu tư vấn giữ 04 bản./.

**ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ THỊ XÃ QUẾ VÕ**



**TRƯỞNG PHÒNG
NGUYỄN VĂN CƯỜNG**

**ĐẠI DIỆN ĐÚNG ĐẦU LIÊN DANH
VIỆN QUY HOẠCH, KIẾN TRÚC
BẮC NINH**



**VIỆN TRƯỞNG
NGUYỄN HẢI NAM**

**ĐẠI DIỆN THÀNH VIÊN LIÊN DANH
TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN
KHOA HỌC KỸ THUẬT**



**GIÁM ĐỐC
PGS.TS. Nguyễn Trường Xuân**

PHỤ LỤC BIỂU GIÁ HỢP ĐỒNG
(Kèm theo hợp đồng ngày / /2023)

Đơn vị: Đồng

TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Khảo sát địa hình				2.137.119.000
1	Công tác đo lưới khống chế mặt bằng, đường chuyên cấp II, Bộ thiết bị GPS (3 máy), địa hình cấp II	Điểm	192	2.993.103	574.675.776
2	Công tác đo lưới khống chế mặt bằng, đường chuyên cấp II, Bộ thiết bị GPS (3 máy), địa hình cấp III	điểm	49	3.510.792	172.028.808
3	Công tác đo khống chế cao, thủy chuẩn kỹ thuật cấp địa hình II	Km	73,92	1.511.173	111.705.908,16
4	Công tác đo khống chế cao, thủy chuẩn kỹ thuật, cấp địa hình III	Km	18,86	1.897.901	35.794.412,86
5	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng thiết bị đo GPS và máy thủy bình điện tử; bản đồ tỷ lệ 1/2.000, đường đồng mức 1, cấp địa hình II	100ha	23,94	39.610.590	948.277.524,6
6	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử; đường đồng mức 1m, địa hình cấp III	100ha	4,1	71.862.612	249.636.709,2
II	Lập đồ án quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000, phân khu số 22	Trọn gói	1	4.464.376.000	4.464.376.000
III	Tổng cộng: I+II				6.601.495.000

ĐẠI DIỆN

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ THỊ XÃ QUẾ VÔ



TRƯỞNG PHÒNG

NGUYỄN VĂN CƯỜNG

LIÊN DANH VIỆN QUY HOẠCH, KIẾN TRÚC BẮC NINH – TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC KỸ THUẬT

Thành viên đứng đầu liên danh
VIỆN QUY HOẠCH, KIẾN TRÚC BẮC NINH



VIỆN TRƯỞNG

NGUYỄN HẢI NAM

Thành viên liên danh
TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC KỸ THUẬT



GIÁM ĐỐC

PGS.TS. *Nguyễn Trường Xuân*

TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC
(06 tháng (180 ngày), kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)

Stt	Nội dung công việc	Tháng thứ					
		1	2	3	4	5	6
I	Hạng mục số 1: Khảo sát địa hình (1,5 tháng ~ 45 ngày)			1,5			
1	Lập phương án khảo sát địa hình (Trình Chủ đầu tư phê duyệt); Nhận bàn giao ranh giới khảo sát từ Chủ đầu tư (0,1 tháng ~ 03 ngày)						
2	Thực hiện công tác đo vẽ, Số hóa, hoàn thiện, báo cáo kết quả khảo sát khảo sát địa hình. Công tác ngoại nghiệp, nội nghiệp thực hiện song song (1,2 tháng ~ 36 ngày)						
3	Nghiệm thu, hoàn thiện và bàn giao sản phẩm khảo sát (0,2 tháng ~ 06 ngày)						
II	Hạng mục số 2: Lập đồ án quy hoạch phân khu (6,0 tháng)		01				
1	Khảo sát, thu thập, phân tích số liệu (01 tháng)						
1.1	Xác định mục tiêu, phạm vi, ranh giới lập quy hoạch (0,2 tháng ~ 06 ngày)						
1.2	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên và hiện trạng... (0,8 tháng ~ 24 ngày)						
	+ Khảo sát, thu thập tài liệu, số liệu						
	+ Nghiên cứu các đồ án quy hoạch cấp trên; Cập nhật và đánh giá các dự án đang triển khai trong khu vực						
	+ Đánh giá tổng hợp và kết luận về phần hiện trạng			4,5			
2	Lập phương án, ý tưởng đồ án quy hoạch (kết hợp xin ý kiến, trình thẩm định, phê duyệt) (4,5 tháng ~ 135 ngày)						
2.1	Xác định tầm nhìn, tính chất và các dự báo phát triển (0,33 tháng ~ 10 ngày)						
2.2	Định hướng quy hoạch - sử dụng đất, phát triển không gian đô thị, thiết kế đô thị... 4,5 tháng ~ 135 ngày)						
2.3	Định hướng quy hoạch - phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị (4,5 tháng ~ 135 ngày)						
2.4	Đánh giá môi trường chiến lược (1,5 tháng ~ 45 ngày)						
2.5	Đề xuất các hạng mục ưu tiên đầu tư và phát triển nguồn lực, định hướng phát triển không gian, hạ tầng kỹ thuật theo các giai đoạn (1,5 tháng ~ 45 ngày)						
2.6	Công tác phối hợp, trao đổi với Chủ đầu tư và các bên liên quan được triển khai kịp thời, xuyên suốt trong quá trình thực hiện đồ án						
2.7	Phối hợp với CĐT/cơ quan liên quan Xin ý kiến (nhân dân, tổ chức, Các sở ngành, Báo cáo BCS Đảng, UBND tỉnh; Báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy) về ý tưởng, phương án quy hoạch (1,0 tháng ~ 30 ngày)						
2.8	Tổng hợp, giải trình, hoàn thiện phương án quy hoạch để gửi hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt (0,5 tháng ~ 15 ngày)						
3	Hoàn thiện đồ án và bàn giao hồ sơ sau khi có quyết định phê duyệt (0,5 tháng ~ 15 ngày)			06		0,5	
Tổng tiến độ (06 tháng ~ 180 ngày)							



BẢNG BỐ TRÍ VÀ THỜI GIAN HUY ĐỘNG NHÂN SỰ TRONG GÓI THẦU

Stt	Tên	Chức danh bố trí trong gói thầu
1	Nguyễn Danh Tuyên	Chủ nhiệm đồ án
2	Phan Thị Lương	Chủ trì khảo sát
3	Nguyễn Trần Sơn	Chủ trì thiết kế quy hoạch
4	Vũ Khánh Hoàng	Chủ trì thiết kế quy hoạch các lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật
5	Nguyễn Văn Trường	Chủ trì thiết kế quy hoạch xây dựng lĩnh vực giao thông
6	Đỗ Thanh Dương	Chuyên gia thiết kế quy hoạch lĩnh vực kiến trúc
7	Nguyễn Bá Trọng	Chuyên gia thiết kế quy hoạch lĩnh vực kiến trúc
8	Trương Văn Giang	Chuyên gia thiết kế quy hoạch lĩnh vực kiến trúc
9	Chu Văn Tú	Chuyên gia thiết kế quy hoạch lĩnh vực kiến trúc
10	Nguyễn Phương Thảo	Chuyên gia thiết kế quy hoạch lĩnh vực kiến trúc
11	Lê Đăng Khương	Chuyên gia thiết kế quy hoạch lĩnh vực kiến trúc
12	Nguyễn Phú Đông	Chuyên gia thiết kế quy hoạch lĩnh vực kiến trúc
13	Vũ Minh Hậu	Chuyên gia thiết kế quy hoạch lĩnh vực kiến trúc
14	Cao Thị Nga	Chuyên gia thiết kế quy hoạch lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật: Chuẩn bị kỹ thuật, thoát nước mưa, thoát nước thải, xử lý chất thải rắn, ĐMC
15	Nguyễn Đăng Đạt	Chuyên gia thiết kế quy hoạch xây dựng lĩnh vực giao thông
16	Nguyễn Đăng Mạnh	Chuyên gia thiết kế quy hoạch xây dựng lĩnh vực giao thông
17	Nguyễn Đình Đức	Chuyên gia thiết kế quy hoạch lĩnh vực: Cấp năng lượng và chiếu sáng, hạ tầng viễn thông thụ động
18	Nguyễn Thị Du	Cán bộ hỗ trợ công tác in ấn, phục vụ hội nghị, tổng hợp hồ sơ liên quan đến đồ án
19	Phạm Thế Huỳnh	Bộ phận KSC (công tác khảo sát địa hình)
20	Phùng Minh Sơn	Tổ trưởng tổ khảo sát địa hình
21	Cao Xuân Cường	Tổ trưởng tổ khảo sát địa hình
22	Lê Thanh Nghị	Tham gia khảo sát
23	Phạm Thị Kim Thoa	Tham gia khảo sát



TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KHKT

Số: 2112/2023/QĐ-TTHT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

(V/v: Bổ nhiệm Chủ nhiệm công trình)

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KHKT

- Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc.
- Căn cứ Điều lệ hoạt động của Trung tâm Hỗ trợ Phát triển KHKT.
- Căn cứ vào năng lực chuyên môn của cán bộ được bổ nhiệm.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Bổ nhiệm Bà Phan Thị Lương làm chủ nhiệm công trình và các cán bộ tham gia thực hiện: Gói thầu số 03: Tư vấn khảo sát địa hình và lập đồ án quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 phân khu số 22 (Bồng Lai - Cách Bi - Đào Viên - Ngọc Xá - Phù Lương, thị xã Quế Võ). Thuộc đồ án: Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 phân khu số 22 (Bồng Lai - Cách Bi - Đào Viên - Ngọc Xá - Phù Lương, thị xã Quế Võ). (có danh sách kèm theo).

Điều 2: Chủ nhiệm công trình chịu toàn bộ trách nhiệm trước Trung tâm và trước pháp luật của Nhà nước về thực hiện hoàn tất các thủ tục thanh quyết toán công trình (có quyền mua vật tư, thiết bị, lấy các hóa đơn chứng từ có liên quan đến công trình).

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Quyết định hết hiệu lực sau khi kết thúc công trình và hoàn thành các thủ tục thanh quyết toán theo qui định của Nhà nước.

Điều 4: Các bộ phận chức năng, Bà Phan Thị Lương và các ông bà có tên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận

- Như điều 4
- Lưu Trung tâm

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Trường Xuân

DANH SÁCH THÀNH VIÊN THAM GIA
(Kèm theo Quyết định số: 2112/2023/QĐ-TTHT, ngày 20 tháng 12 năm 2023)

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Phan Thị Lương	Chủ nhiệm công trình
2	Phạm Thế Huỳnh	Thành viên tham gia
3	Phùng Minh Sơn	Thành viên tham gia
4	Lê Thanh Nghị	Thành viên tham gia
5	Phạm Thị Kim Thoa	Thành viên tham gia
6	Nguyễn Danh Đức	Thành viên tham gia



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quế Võ, ngày tháng năm 2024

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH

Số: 01/BB-NTHT

- Căn cứ Quyết định số 2785/QĐ-UBND ngày 06/11/2023 của UBND thị xã Quế Võ về việc phê duyệt Nhiệm vụ và Dự toán khảo sát địa hình Đồ án Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 phân khu số 22 (Bồng Lai – Cách Bi – Đào Viên – Ngọc Xá – Phù Lương, thị xã Quế Võ);

- Căn cứ Hợp đồng số 43/2023/HĐTVQH ngày 20/12/2023 giữa Phòng Quản lý Đô thị thị xã Quế Võ và Liên danh Viện Quy hoạch, kiến trúc Bắc Ninh và Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Khoa học Kỹ thuật về việc: Tư vấn khảo sát địa hình và lập đồ án quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 phân khu số 22 (Bồng Lai - Cách Bi - Đào Viên - Ngọc Xá - Phù Lương, thị xã Quế Võ),

- Căn cứ Hồ sơ nghiệm thu khối lượng, chất lượng sản phẩm,

Hôm nay, vào hồi 8 giờ 30 phút ngày tháng năm 2024, tại Phòng Quản lý Đô thị thị xã Quế Võ, chúng tôi gồm:

1. Đại diện chủ đầu tư (Bên A): Phòng Quản lý Đô thị thị xã Quế Võ.

Ông: Nguyễn Văn Cương

Chức vụ: Trưởng phòng.

Ông (bà):

Chức vụ: Cán bộ.

2. Đại diện đơn vị thi công: Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Khoa học Kỹ thuật.

Ông: Nguyễn Trường Xuân

Chức vụ: Giám đốc.

Bà: Phan Thị Lương

Chức vụ: Chủ nhiệm khảo sát.

Hai bên tiến hành nghiệm thu khối lượng hạng mục công việc theo Hợp đồng số Hợp đồng số 43/2023/HĐTVQH ngày 20/12/2023 giữa Phòng Quản lý Đô thị thị xã Quế Võ và Liên danh Viện Quy hoạch, kiến trúc Bắc Ninh và Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Khoa học Kỹ thuật về việc: Tư vấn khảo sát địa hình và lập đồ án quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 phân khu số 22 (Bồng Lai - Cách Bi - Đào Viên - Ngọc Xá - Phù Lương, thị xã Quế Võ), cụ thể như sau:

I. Đánh giá về sản phẩm dự án

1. Hồ sơ khảo sát địa hình tỷ lệ 1/2000.

- Về chất lượng: Sản phẩm Khảo sát địa hình tỷ lệ 1/2000 Thuộc gói thầu số 03: Tư vấn khảo sát địa hình và lập đồ án quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 phân khu số 22 (Bồng Lai - Cách Bi - Đào Viên - Ngọc Xá - Phù Lương, thị xã Quế Võ) đã thi công đạt yêu cầu kỹ thuật theo Nhiệm vụ khảo sát địa hình đã phê duyệt.

- Về khối lượng công việc:

Bảng 1

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ-DT phê duyệt		Thi công		Nghiệm thu	
			Cấp địa hình	Khối lượng	Cấp địa hình	Khối lượng	Cấp địa hình	Khối lượng
I	Lưới khống chế mặt bằng và cao độ							
1	Công tác đo lưới khống chế mặt bằng, đường chuyền cấp II	điểm	II	192	II	173	II	173
2	Công tác đo lưới khống chế mặt bằng, đường chuyền cấp II	điểm	III	49	III	49	III	49
3	Công tác đo khống chế cao, thủy chuẩn kỹ thuật	Km	II	73,92	II	93,620	II	73,92
4	Công tác đo khống chế cao, thủy chuẩn kỹ thuật	Km	III	18,86	III	26,59	III	18,86
II	Đo vẽ bình đồ khu vực							
5	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng thiết bị đo GPS và máy thủy bình điện tử; bản đồ tỷ lệ 1/2.000, đường đồng mức 1m	100ha	II	23,94	II	23,72	II	23,72
6	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử; bản đồ tỷ lệ 1/2.000, đường đồng mức 1m	100ha	III	4,1	III	4,1	III	4,1

2. Sản phẩm giao nộp gồm:

TT	Tên tài liệu	ĐVT	Số lượng
1	Phương án kỹ thuật khảo sát địa hình	Bộ	07
2	Báo cáo kết quả khảo sát địa hình và các phụ lục tính toán bình sai	Bộ	07
3	Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/2000, h=1.0m	Mảnh	40 x 7 tờ bản đồ
4	Nhật ký khảo sát	Bộ	07
5	Sổ đo các loại	Bộ	07
6	Hồ sơ kiểm tra, nghiệm thu các cấp theo quy định	Bộ	06
7	USB ghi dữ liệu	cái	01

II. Kết luận

Chấp nhận nghiệm thu các sản phẩm với khối lượng hoàn thành và mức khó khăn (cấp địa hình) nêu ở bảng 1. Biên bản này là cơ sở để hai Bên lập Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành và Bên A thanh toán cho Bên B.

Biên bản này được lập thành 08 bản bằng Tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 06 bản, Bên B giữ 02 bản./.

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG
GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Trường Xuân

**ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Cương

BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH THEO HỢP ĐỒNG ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

(Ban hành kèm theo Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính Phủ)

Tên dự án: Đồ án Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 phân khu số 22 (Bồng Lai – Cách Bi – Đào Viên – Ngọc Xá – Phù Lương, thị xã Quế Vồ) Mã dự án:

Tên gói thầu: Tư vấn khảo sát địa hình và lập đồ án quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 phân khu số 22 (Bồng Lai - Cách Bi - Đào Viên - Ngọc Xá - Phù Lương, thị xã Quế Vồ)

- Căn cứ Hợp đồng số 43/2023/HĐTVQH ngày 20 tháng 12 năm 2023.

Chủ đầu tư: Phòng Quản lý đô thị thị xã Quế Vồ

Nhà thầu: Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Khoa học Kỹ thuật.

Thanh toán lần thứ: I

Căn cứ xác định:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành 01/BB-NTHT ngày tháng năm 2024;

Đơn vị tính: đồng

ST T	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng				Đơn giá thanh toán	Thành tiền (đồng)			Ghi chú
			Theo hợp đồng	Thực hiện		Theo hợp đồng		Thực hiện			
				Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này			Lũy kế đến hết kỳ này	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này	
I	Lưới khống chế mặt bằng và cao độ							0	837.335.948	837.335.948	
1	Công tác đo lưới khống chế mặt bằng, đường chuyên cấp II, Bộ thiết bị GPS (3 máy), địa hình cấp II	điểm	192		173	173	2.993.103		574.675.776	517.806.819	
2	Công tác đo lưới khống chế mặt bằng, đường chuyên cấp II, Bộ thiết bị GPS (3 máy) , địa hình cấp III	điểm	49		49	49	3.510.792		172.028.808	172.028.808	
3	Công tác đo khống chế cao, thủy chuẩn kỹ thuật, cấp địa hình II	Km	73,92		73,92	73,92	1.511.173		111.705.908	111.705.908	
4	Công tác đo khống chế cao, thủy chuẩn kỹ thuật, cấp địa hình III	Km	18,86		18,86	18,86	1.897.901		35.794.413	35.794.413	
II	Đo vẽ bình đồ khu vực							0	1.234.199.904	1.234.199.904	
5	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng thiết bị đo GPS và máy thủy bình điện tử; bản đồ tỷ lệ 1/2.000, đường đồng mức 1m, cấp địa hình II	100ha	23,94		23,72	23,72	39.610.590		948.277.525	939.563.195	

6	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình diện tử; bản đồ tỷ lệ 1/2.000, đường đồng mức 1m, cấp địa hình III	100ha	4,1		4,1	4,10	71.862.612	294.636.709		294.636.709	294.636.709	
	TỔNG CỘNG							2.137.119.139	0	2.071.535.852	2.071.535.852	
	LÀM TRÒN							2.137.119.000	0	2.071.536.000	2.071.536.000	

1. Giá trị hợp đồng:

2. Giá trị tạm ứng theo hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước:

3. Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước:

4. Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này:

5. Thanh toán để thu hồi tạm ứng:

6. Giá trị đề nghị giải ngân kỳ này (80% giá trị thực hiện):
- Số tiền bằng chữ: Một tỷ, không trăm mười sáu triệu, hai trăm hai mươi tám nghìn, tám trăm đồng./.

(là số tiền giải ngân kỳ này).

0 đồng

641.000.000 đồng

0 đồng

2.071.536.000 đồng

641.000.000 đồng

0 đồng

1.016.228.800 đồng

1.016.228.800 đồng

0 đồng

1.657.228.800 đồng

1.657.228.800 đồng
- Tạm ứng:

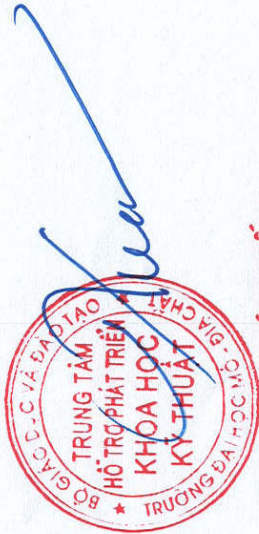
Thanh toán khối lượng hoàn thành:

7. Lũy kế giá trị giải ngân:

Tạm ứng:

Thanh toán khối lượng hoàn thành:

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU



GIÁM ĐỐC
PGS.TS. Nguyễn Trường Duờn

Quế Võ, ngày tháng năm 2024

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



TRƯỞNG PHÒNG
NGUYỄN VĂN CƯỜNG

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT Invoice)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(E-Invoice viewer)

Ngày (Date) 29 tháng (month) 03 năm (year) 2024

Mã CQT (Code): 006EEAFCC769CC4441A5252F2DF9D8F35C

Ký hiệu (Sign): 1C24TYY

Số (No): 00000028

Đơn vị bán hàng (Supplier): TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC KỸ THUẬT

Mã số thuế (Tax code): 0100764383

Địa chỉ (Address): Tầng 1 Nhà A, Trường ĐH Mở - Địa Chất, số 18 phố Viên, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

Điện thoại (Tel): 0354806361

Số tài khoản (Bank account): 1462201005013 Tại NH Nông nghiệp và phát triển nông thôn - CN Tây Đô

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ THỊ XÃ QUẾ VỖ

Mã số thuế (Tax code): 2300363054

Địa chỉ (Address): Phường Phố Mới, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Số tài khoản (Bank account): 9527.3.1022377 tại KBNN thị xã Quế Võ - tỉnh Bắc Ninh

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	"Gói thầu số 03: Tư vấn khảo sát địa hình và lập đồ án quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 phân khu số 22 (Bồng Lai - Cách Bi - Đào Viên - Ngọc Xá - Phù Lương, thị xã Quế Võ) . Theo HĐ số 43/2023/HĐTVQH ngày 20/12/2023.				1.918.088.889
Cộng tiền hàng:				(Total before VAT):	1.918.088.889
Thuế suất GTGT (VAT rate):		8 %	Tiền thuế GTGT (VAT amount):		153.447.111
Tổng tiền thanh toán				(Total amount):	2.071.536.000
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words):		Hai tỷ không trăm bảy mươi một triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn đồng chẵn.			

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Ký bởi: TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN
KHOA HỌC KỸ THUẬT

Ký ngày: 29/03/2024

(Cần kiểm tra, đối chiếu trước khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): BKCJCAA_EA4W

Tra cứu tại Website (Search on Website): <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu/>